TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 16/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 23/3/2018
V/v tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tiến Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Việt Quốc

2. Ông Võ Văn Trường

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Châu Thanh Quyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang

Ngày 23 tháng 3 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2018/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2018, về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đinh Hồng T, sinh năm 1962; Trú tại: ấp P, xã Đ, huyện C, tỉnh H (có mặt)

Bị đơn: Ông Võ Văn U, sinh năm 1962; Trú tại: ấp P, xã Đ, huyện C, tỉnh H. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 5/12/2017, các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Đinh Hồng T trình bày:

Bà và ông Võ Văn U làm lễ cưới và chung sống với nhau từ năm 1984, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không còn tin yêu nhau hay bất đồng quan điểm trong việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình và ông U còn có người phụ nữ khác bên ngoài, từ đó dẫn

đến mất hạnh phúc gia đình. Vợ chồng chính thức ly thân từ năm 2010 đến nay, không ai quan tâm đến ai.

Về con chung: có 04 con chung là Võ Thị T, sinh năm: 1984; Võ Thị D, sinh năm: 1988; Võ Chí C, sinh năm: 1990 và Võ Quốc T, sinh năm: 1994. Hiện tại các con đã trưởng thành và có gia đình riêng

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Nay bà T yêu cầu được ly hôn với ông U; Về con chung: các con đã trưởng thành và có gia đình riêng, nên không yêu cầu giải quyết; Về tài sản chung: Không có; Về nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Võ Văn U đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vẫn vắng mặt không đến Tòa án. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay ông U có mặt và trình bày như sau:

Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do vợ chồng không thống nhất trong việc bán đất của gia đình, bà T tự ý quyết định mọi chuyện không bàn bạc với ông U nên ông U buồn mới bỏ nhà đi từ năm 2010, lâu lâu có về thăm gia đình và lo cho các con. Nay bà T yêu cầu ly hôn ông U cũng thống nhất ly hôn vì ông U cũng đã có gia đình riêng; Về con chung: Võ Thị T, sinh năm: 1984; Võ Thị D, sinh năm: 1988; Võ Chí C, sinh năm: 1990 và Võ Quốc T, sinh năm: 1994. Hiện tại các con đã trưởng thành và có gia đình riêng, nên không yêu cầu giải quyết; Về tài sản chung: Có khoảng 3.000 m^2 đất bà T đang quản lý sử dụng, ông U yêu cầu chia ½; Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đinh Hồng T và ông Võ Văn U chung sống với nhau vào năm 1984, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 1994 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không còn tin yêu nhau nên bất đồng quan điểm trong việc phát triển kinh tế gia đình, dẫn đến vợ chồng không còn hạnh phúc và chính thức ly thân nhau từ năm 2010 đến nay, trong suốt quá trình ly thân vợ chồng cũng không hàn gắn đoàn tụ được. Nay bà T yêu cầu ly hôn ông U cũng thống nhất ly hôn, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn của bà T và ông U là phù hợp.

[2] Về con chung: có 04 con chung là Võ Thị T, sinh năm: 1984; Võ Thị D, sinh năm: 1988; Võ Chí C, sinh năm: 1990 và Võ Quốc T, sinh năm: 1994. Hiện tại các con đã trưởng thành và có gia đình riêng, nên không xem xét giải quyết

[3] Về tài sản chung: Bà T cho rằng không có, nhưng ông U cho rằng vợ

chồng có tài sản chung là khoảng 3.000 m^2 đất, tại phiên tòa ông U yêu cầu chia ½. Hội đồng xét xử xét thấy việc ông U đưa ra yêu cầu chia tài sản chung là sau khi Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nên Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự không xem xét giải quyết trong vụ án này. Trường hợp ông U có tranh chấp chia tài sản chung thì ông U phải làm đơn yêu cầu để được giải quyết bằng vụ kiện khác.

Về nợ chung: Các đương sự khai không có, nên không xem xét giải quyết.

[4] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 55, Luật hôn nhân gia đình; Các Điều 35, 147, 200 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Đinh Hồng T và ông Võ Văn U.

Về con chung: Võ Thị T, sinh năm: 1984; Võ Thị D, sinh năm: 1988; Võ Chí C, sinh năm: 1990 và Võ Quốc T, sinh năm: 1994. Hiện tại các con đã trưởng thành và có gia đình riêng, nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Tách yêu cầu chia tài sản chung của ông Võ Văn U thành vụ kiện khác khi ông U có yêu cầu.

Về nợ: Các đương sự khai không có, nên không xem xét giải quyết.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Đinh Hồng T phải nộp 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0014051 ngày 15/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Bà T đã nộp đủ án phí phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND h. Châu Thành;
- THA h. Châu Thành;
- UBND xã Đông Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Tiến Dũng